BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 39/2023/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 2023*

THÔNG TƯ
Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 03/2019/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về hoạt động viễn thám;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia.

2. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia và thu phí.

Điều 2. Tổ chức thu phí và người nộp phí

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi đề nghị cung cấp dữ liệu viễn thám quốc gia phải nộp phí theo quy định tại Thông tư này.

2. Tổ chức thu phí gồm: Đài Viễn thám trung ương trực thuộc Cục Viễn thám quốc gia - Bộ Tài nguyên và Môi trường; cơ quan được giao cung cấp dữ liệu viễn thám quốc gia theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Mức thu phí và miễn phí

1. Mức thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia được quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp dữ liệu viễn thám từ 03 năm (36 tháng) trở lên tính đến thời điểm cung cấp, mức thu phí bằng 50% mức thu phí tương ứng quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Mức thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng hoặc trong tình trạng khẩn cấp bằng 60% mức thu phí quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Miễn phí khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia phục vụ yêu cầu trực tiếp của lãnh đạo Đảng và Nhà nước.

Điều 4. Kê khai, nộp phí

1. Người nộp phí thực hiện nộp phí theo mức thu quy định tại Điều 3 Thông tư này cho tổ chức thu phí theo hình thức quy định tại Thông tư số 74/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hình thức, thời hạn thu, nộp, kê khai các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính.

2. Chậm nhất là ngày 05 hằng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước. Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, thu, nộp và quyết toán phí theo quy định tại Thông tư số 74/2022/TT-BTC (tổ chức thu phí thuộc Trung ương quản lý, tiền phí nộp vào ngân sách trung ương; tổ chức thu phí thuộc địa phương quản lý, tiền phí nộp vào ngân sách địa phương).

Điều 5. Quản lý và sử dụng phí

1. Tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập được để lại 55% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí và nộp 45% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước.

2. Tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước nộp 100% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP được để lại 55% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP và nộp 45% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

2. Thông tư này bãi bỏ Thông tư số 187/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia và Thông tư số 108/2017/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 187/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia.

3. Các nội dung khác liên quan đến thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại các văn bản: Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP; Luật Quản lý thuế; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP; Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20

tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước; Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ; Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoá đơn, chứng từ.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Cao Anh Tuấn

BIỂU MỨC THU PHÍ KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG DỮ LIỆU VIỄN THÁM QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2023/TT-BTC ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Mức thu phí đối với dữ liệu ảnh vệ tinh gốc xử lý mức 1A

Biểu số 1:

Đơn vị tính: Đồng/km²

Số TT	Loại ảnh	Mức thu phí
1	**Spot 2, Spot 4**	
a	Toàn sắc (Panchromatic) độ phân giải 10m; Đa phổ (Multispectral) độ phân giải 20m	2.025
b	Tổng hợp độ phân giải 10m	4.050
2	**Spot 5**	
a	Toàn sắc (Panchromatic) độ phân giải 5m; Đa phổ (Multispectral) độ phân giải 10m	4.219
b	Toàn sắc (Panchromatic) độ phân giải 2,5m	7.030
c	Tổng hợp độ phân giải 5m	5.856
d	Tổng hợp độ phân giải 2,5m	8.472

2. Mức thu phí đối với dữ liệu ảnh vệ tinh đã xử lý nắn chỉnh hình học, quang phổ và đưa về hệ tọa độ sử dụng

Biểu số 2: Ảnh Spot 2, Spot 4, Spot 5 xử lý mức 2A

Đơn vị tính: Đồng/km²

Số TT	Mode ảnh	Mức thu phí
1	Toàn sắc (Panchromatic) độ phân giải 10m; Đa phổ (Multispectral) độ phân giải 20m	2.783
2	Toàn sắc (Panchromatic) độ phân giải 5m; Đa phổ (Multispectral) độ phân giải 10m	4.977
3	Toàn sắc (Panchromatic) độ phân giải 2,5m	7.788

Biểu số 3: Bình đồ Ảnh Spot 2, Spot 4, Spot 5 xử lý mức 3B

Đơn vị tính: Đồng/km²

Số TT	Mode ảnh	Mức thu phí
1	Toàn sắc độ phân giải 2,5m, tỷ lệ 1:10.000	78.914
2	Tổng hợp độ phân giải 2,5m, tỷ lệ 1:10.000	84.018
3	Toàn sắc độ phân giải 2,5-5m, tỷ lệ 1:25.000	47.280
4	Tổng hợp độ phân giải 5m, tỷ lệ 1:25.000	50.951
5	Tổng hợp độ phân giải 2,5m, tỷ lệ 1:25.000	54.318
6	Toàn sắc độ phân giải 10m, tỷ lệ 1:50.000	16.325
7	Toàn sắc độ phân giải 2,5-5m, tỷ lệ 1:50.000	20.643
8	Đa phổ độ phân giải 20m, tỷ lệ 1:50.000	14.644
9	Đa phổ độ phân giải 10m, tỷ lệ 1:50.000	17.274
10	Tổng hợp độ phân giải 10m, tỷ lệ 1:50.000	18.383
11	Tổng hợp độ phân giải 5m, tỷ lệ 1:50.000	22.299
12	Tổng hợp độ phân giải 2,5m, tỷ lệ 1:50.000	25.669
13	Toàn sắc độ phân giải 10m tỷ lệ 1:100.000	5.211
14	Đa phổ độ phân giải 10m, 20m tỷ lệ 1:100.000	5.211
15	Toàn sắc độ phân giải 10m tỷ lệ 1:250.000	3.391
16	Đa phổ độ phân giải 10m, 20m tỷ lệ 1:250.000	3.391

3. Mức thu phí đối với dữ liệu ảnh viễn thám VNREDSat-1

Biểu số 4:

Đơn vị tính: Đồng/km²

Số TT	Loại ảnh, mode ảnh	Mức thu phí
1	**Ảnh VNREDSat-1 xử lý mức 1A**	
a	Đa phổ (Multispectral) độ phân giải 10m	12.689
b	Toàn sắc (Panchromatic) độ phân giải 2,5m	18.282

Số TT	Loại ảnh, mode ảnh	Mức thu phí
2	**Ảnh VNREDSat-1 xử lý mức 2A**	
a	Đa phổ (Multispectral) độ phân giải 10m	19.654
b	Toàn sắc (Panchromatic) độ phân giải 2,5m	25.166
c	Tổng hợp độ phân giải 2,5m	44.620
3	**Ảnh VNREDSat-1 xử lý mức 3A**	
a	Đa phổ (Multispectral) độ phân giải 10m	21.976
b	Toàn sắc (Panchromatic) độ phân giải 2,5m	28.604
c	Tổng hợp độ phân giải 2,5m	50.521
4	**Ảnh VNREDSat-1 xử lý mức 3B (Bình đồ ảnh số)**	
a	Tổng hợp độ phân giải 2,5m, tỷ lệ 1:10.000	84.018
b	Tổng hợp độ phân giải 2,5m, tỷ lệ 1:25.000	54.318
c	Đa phổ độ phân giải 10m, tỷ lệ 1:50.000	17.274

4. Mức thu phí đối với dữ liệu ảnh viễn thám có các đặc tính kỹ thuật tương đương được thu nhận tại các trạm thu của các đối tác nước ngoài

Biểu số 5:

Đơn vị tính: Đồng/km^2

Số TT	Loại ảnh, mode ảnh	Mức thu phí
1	**Dữ liệu ảnh viễn thám xử lý mức 1A**	
a	Đa phổ (Multispectral) độ phân giải 10-15m	12.689
b	Toàn sắc (Panchromatic) độ phân giải 2,0-2,5m	18.282
2	**Dữ liệu ảnh viễn thám xử lý mức 2A**	
a	Đa phổ (Multispectral) độ phân giải 10-15m	19.654
b	Toàn sắc (Panchromatic) độ phân giải 2,0-2,5m	25.166
c	Tổng hợp độ phân giải 2,0-2,5m	44.620

Số TT	Loại ảnh, mode ảnh	Mức thu phí
3	**Dữ liệu ảnh viễn thám xử lý mức 3A**	
a	Đa phổ (Multispectral) độ phân giải 10-15m	21.976
b	Toàn sắc (Panchromatic) độ phân giải 2,0-2,5m	28.604
c	Tổng hợp độ phân giải 2,0-2,5m	50.521
4	**Dữ liệu ảnh viễn thám xử lý mức 3B (Bình đồ ảnh số)**	
a	Tổng hợp độ phân giải 2,0-2,5m, tỷ lệ 1:10.000	84.018
b	Tổng hợp độ phân giải 2,0-2,5m, tỷ lệ 1:25.000	54.318
c	Đa phổ độ phân giải 10-15m, tỷ lệ 1:50.000	17.274

5. Mức thu phí đối với dữ liệu ảnh Spot 6, Spot 7

Biểu số 6: Ảnh vệ tinh gốc Spot 6, Spot 7 xử lý mức 1A

Đơn vị tính: Đồng/km^2

Số TT	Loại ảnh	Mức thu phí
1	Đa phổ (Multispectral) độ phân giải 6m	5.856
2	Toàn sắc (Panchromatic) độ phân giải 1,5m	8.472

Ghi chú: Diện tích cung cấp tối thiểu là 100 km^2

Biểu số 7: Bình đồ Ảnh Spot 6, Spot 7 xử lý mức 3B

Đơn vị tính: Đồng/km^2

Số TT	Mode ảnh	Mức thu phí
1	Toàn sắc độ phân giải 1,5m, tỷ lệ 1:10.000	94.697
2	Tổng hợp độ phân giải 1,5m, tỷ lệ 1:10.000	100.822
3	Toàn sắc độ phân giải 1,5m, tỷ lệ 1:25.000	56.736
4	Tổng hợp độ phân giải 1,5m, tỷ lệ 1:25.000	65.182
5	Toàn sắc độ phân giải 2,5m, tỷ lệ 1:50.000	24.772
6	Đa phổ độ phân giải 10m, tỷ lệ 1:50.000	20.729

Số TT	Mode ảnh	Mức thu phí
7	Tổng hợp độ phân giải 2,5m, tỷ lệ 1:50.000	30.802
8	Toàn sắc độ phân giải 10m, tỷ lệ 1:100.000	6.253
9	Đa phổ độ phân giải 10m, tỷ lệ 1:100.000	6.253
10	Toàn sắc độ phân giải 10m, tỷ lệ 1:250.000	4.069
11	Đa phổ độ phân giải 10m, tỷ lệ 1:250.000	4.069

Ghi chú:

- Ảnh "Tổng hợp" trong các Biểu nêu trên bao gồm cặp ảnh: ảnh Pan và ảnh Multi.
- Diện tích cung cấp tối thiểu là 46 km^2 (tương đương 01 mảnh 1:10.000)./.